TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HT
TỈNH TN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 01/7/2020
Về tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HT, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Ngọc Hạnh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Quang Truyền;**
2. Ông **Võ Xuân Phong.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Lâm Thúy Vi** – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2020 giữa các đương sự:

- *Ng. đơn:* Chị **Phạm Tuyết L.**, sinh năm 1980 – có mặt.

Địa chỉ: Số 88/4, ấp Trường An, xã TrT, thị xã HT, tỉnh TN.

- *Bị đơn:* Anh **Lê Văn Ng.**, sinh năm 1976 – (vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 51/1A, khu phố 4, phường LH, thị xã HT, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Ng. đơn – chị Phạm Tuyết L. và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, chị L. trình bày:

Chị L. và anh Ng. tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn HT (nay là phường LH, thị xã HT), tỉnh TN. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn Ng. nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình, giữa vợ chồng không còn tiếng nó chung. Vợ chồng ly thân từ năm

2012 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay chị L. yêu cầu được ly hôn với anh Ng..

Về con chung: Có 01 người là Lê Thị Mỹ H, sinh ngày 17/9/2011, hiện cháu H đang sống chung với chị L.. Khi ly hôn chị L. yêu cầu được tiếp tục nuôi con, chị không yêu cầu anh Ng. cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L. không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Không có ai nợ lại hai vợ chồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2020 và bản tự khai ngày 25/02/2020, bị đơn – anh Lê Văn Ng. trình bày:

Anh Ng. thống nhất với phần trình bày của chị L. về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Anh Ng. thấy tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục sống hạnh phúc được nên cũng đồng ý ly hôn. Riêng về con chung anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị L. cấp dưỡng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, tỉnh TN phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật tố tụng; người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng pháp luật. Anh Ng. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa nhưng vắng mặt có làm đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Ng. theo Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Xét thấy mục đích hôn nhân của chị L. và anh Ng. không đạt được, vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Chị L. yêu cầu ly hôn, anh Ng. cũng đồng ý ly hôn nhưng anh Ng. làm đơn xin vắng mặt không đến tòa án giải quyết. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L..

Về con chung, có 01 người là Lê Thị Mỹ H sinh ngày 17/9/2011 hiện đang sống với chị L.. Khi ly hôn chị L., anh Ng. đều yêu cầu nuôi con. Qua làm việc cháu H có Ng. vọng sống với chị L..

Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình ghi nhận ý kiến của chị L.. Về tài sản chung và nợ chung, chị L. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị L. phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Văn Ng. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vắng mặt có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Ng. theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Phạm Tuyết L. và anh Lê Văn Ng. chung sống với nhau từ năm 2011, do tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân thị Trấn HT (nay là phường LH). Vì vậy, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị L. thấy rằng: Chị L. và anh Ng. chung sống với nhau từ năm 2011 đến năm 2012 thì sống ly thân cho đến nay. Mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình, giữa vợ chồng không còn tiếng nói chung. Trong thời gian ly thân anh chị cũng không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Mặt khác, trong biên bản lấy lời khai và bản tự khai anh Ng. cũng đồng ý ly hôn, khi ly hôn anh Ng. yêu cầu được nuôi con nhưng Tòa án mời anh Ng. đến dự phiên tòa anh Ng. không đến. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa chị L. và anh Ng. không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L. là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 01 người là Lê Thị Mỹ H, sinh ngày 17/9/2011 hiện đang sống với chị L.. Qua làm việc, cháu H cũng có nguyện vọng sống chung với chị L.. Anh Ng. yêu cầu được nuôi con nhưng Tòa án mời anh Ng. đến dự phiên Tòa anh Ng. không đến chứng tỏ rằng anh Ng. không có thiện chí. Căn cứ các Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị L.. Giao con chung là cháu H cho chị L. nuôi là có căn cứ. Ghi nhận chị L. không yêu cầu anh Ng. cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị L. không yêu cầu Tòa án giải quyết

[5] Về nợ chung: Chị L. không yêu càu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định: "*Ng. đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của Ng. đơn*". Trong vụ án này, chị L. là Ng. đơn, do đó, chị L. phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1.Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Tuyết L. đối với anh Lê Văn Ng..

Chị Phạm Tuyết L. được ly hôn với anh Lê Văn Ng..

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Mỹ H, sinh ngày 17/9/2011 cho chị L. tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận chị Phạm Tuyết L. không yêu cầu anh Lê Văn Ng. cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Văn Ng. có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị L. không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: Chị L. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L. phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Thảo đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008389 ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT (nay là thị xã HT), tỉnh TN, ghi nhận chị L. đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xử công khai, báo cho chị L. biết có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Ng. được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thị xã HT;
- Chi cục THA DS thị xã HT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

Huỳnh Thị Ngọc Hạnh